



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG (BHV)

126 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM - Hotline 1900 63 3535

QUY TẮC BẢO HIỂM KẾT HỢP XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 0084/2015/QĐ-BHV/BHXCG ngày 16 tháng 03 năm 2015
của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương)

Trên cơ sở Chủ xe yêu cầu tham gia bảo hiểm và đã nộp phí bảo hiểm theo quy định, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (dưới đây gọi tắt là **BHV**) nhận bảo hiểm các loại hình bảo hiểm tự nguyện theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm do **BHV** cấp theo yêu cầu bảo hiểm của Chủ xe là bằng chứng ký kết Hợp đồng bảo hiểm và được điều chỉnh theo Quy tắc bảo hiểm này. Các yêu cầu sửa đổi bổ sung của Chủ xe được **BHV** chấp thuận bằng văn bản là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa **BHV** và Chủ xe.

Điều 2: Phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm và Mức trách nhiệm bảo hiểm

Phí bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm, Mức trách nhiệm bảo hiểm được thỏa thuận áp dụng theo biểu phí của **BHV** ban hành đối với các loại hình bảo hiểm và được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 3: Thời hạn bảo hiểm

Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Trường hợp chủ xe có ký kết Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm nhưng không nộp phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn quy định (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản) thì **BHV** sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường cho những tổn thất phát sinh. Tuy nhiên, sau đó chủ xe vẫn thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm và với điều kiện chưa xảy ra tổn thất thì hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm tự động được khôi phục kể từ ngày **BHV** nhận được phí bảo hiểm.

Điều 4: Chuyển quyền sở hữu

Trong thời hạn bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe, thì quyền lợi bảo hiểm vẫn có hiệu lực với Chủ xe mới với điều kiện rủi ro không tăng thêm nhưng phải thông báo cho **BHV** để làm sửa đổi bổ sung. Trong trường hợp không thực hiện theo yêu cầu nêu trên, **BHV** được quyền từ chối một phần hay toàn bộ số tiền bồi thường.

Trường hợp Chủ xe cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho Chủ xe mới và có yêu cầu hoàn phí thì **BHV** sẽ hoàn phí cho Chủ xe cũ theo điều 5 dưới đây và làm thủ tục bảo hiểm cho Chủ xe mới, nếu được yêu cầu.

Điều 5: Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo cho bên kia bằng văn bản trước 15 ngày:

- Trường hợp Chủ xe yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hủy bỏ, nếu **BHV** không có ý kiến thì hợp đồng bảo hiểm cho chiếc xe đó mặc nhiên được chấm dứt. **BHV** sẽ hoàn lại cho Chủ xe 70% phí bảo hiểm của thời gian còn lại, với điều kiện tính tới thời điểm yêu cầu chấm dứt, chiếc xe đó chưa lần nào được **BHV** chấp nhận trả tiền bồi thường.
- Trường hợp **BHV** yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, **BHV** sẽ hoàn lại toàn bộ phí bảo hiểm của thời gian còn lại cho Chủ xe ngay cả khi **BHV** đã chấp nhận trả tiền bồi thường liên quan đến chiếc xe đó

Điều 6: Trách nhiệm của Chủ xe, lái xe

1. Khi yêu cầu bảo hiểm, Chủ xe hoặc Người đại diện của chủ xe phải thông báo đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.

2. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn quy định.
3. Khi tai nạn giao thông xảy ra, Chủ xe và/hoặc lái xe phải có trách nhiệm:
 - 3.1 Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn, bảo vệ tài sản đồng thời báo ngay cho Cảnh sát giao thông hoặc cơ quan công an, chính quyền địa phương và **BHV** nơi gần nhất để phối hợp giải quyết tai nạn.
 - 3.2 Trừ trường hợp có lý do chính đáng, trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn, Chủ xe phải gửi cho **BHV** Thông báo tai nạn bằng văn bản (theo mẫu do **BHV** cung cấp).
 - 3.3 Không được tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của **BHV**, trừ trường hợp làm như vậy là cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
4. Chủ xe và/hoặc lái xe phải trung thực trong việc kê khai thông tin liên quan đến tai nạn, thu thập, cung cấp các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho **BHV** trong quá trình xác minh tính chân thực của các tài liệu, chứng từ đó.
5. Trường hợp mất Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đổi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc thay đổi biển số phải thông báo ngay cho **BHV** để được cấp lại.

Nếu Chủ xe và/hoặc lái xe không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trên thì **BHV có thể từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường**

Điều 7: Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra tổn thất về xe cơ giới, tài sản hoặc hàng hóa có thể phát sinh khiếu nại theo Hợp đồng bảo hiểm đều được **BHV** hoặc người được **BHV** ủy quyền thực hiện giám định với sự chứng kiến của Chủ xe cơ giới, bên thứ ba hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do tai nạn gây ra. Chi phí giám định tổn thất do Bảo hiểm Hùng Vương chịu.
2. Trường hợp không đạt được sự thống nhất giữa **BHV** và Chủ xe về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì hai bên sẽ thỏa thuận trung cầu một Giám định độc lập thực hiện giám định. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được việc trung cầu một Giám định độc lập thì một trong hai bên yêu cầu Tòa án tại nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Chủ xe chỉ định một Giám định độc lập. Kết quả giám định độc lập này có giá trị bắt buộc đối với hai bên. Trường hợp kết luận của Giám định độc lập khác với kết luận của giám định viên Bảo hiểm, **BHV** sẽ chịu chi phí giám định. Trường hợp kết luận của Giám định độc lập trùng với kết luận của giám định viên Bảo hiểm, chủ xe sẽ phải chịu chi phí giám định.

Điều 8: Hồ sơ bồi thường

Hồ sơ bồi thường bao gồm các giấy tờ sau:

1. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (theo mẫu do **BHV** cung cấp).
2. Các chứng từ xác định và chứng minh thiệt hại do tai nạn.
3. Bản sao các giấy tờ sau (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc của nhân viên **BHV**):
 - 3.1 Giấy chứng nhận bảo hiểm;
 - 3.2 Giấy phép lái xe;
 - 3.3 Giấy đăng ký xe hoặc hóa đơn mua xe đối với trường hợp xe mới chưa đăng ký;
 - 3.4 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
4. Bản sao bộ hồ sơ tai nạn (có xác nhận của Công an Giao thông nơi thụ lý tai nạn) bao gồm:
 - 4.1 Sơ đồ hiện trường tai nạn giao thông;
 - 4.2 Biên bản khám nghiệm hiện trường;
 - 4.3 Biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn giao thông;
 - 4.4 Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn giao thông;
 - 4.5 Biên bản giải quyết tai nạn giao thông (nếu có);
 - 4.6 Bản kết luận điều tra tai nạn của Công an (nếu có);

5. Bản án hoặc Quyết định của Tòa án (nếu có).
6. Trường hợp tổn thất do người thứ ba gây ra:
 - 6.1. Biên bản xác định mức độ thiệt hại về người và tài sản, mức độ lỗi của các bên
 - 6.2.** Tài liệu chứng minh chủ xe bảo lưu quyền đòi người thứ ba cho **BHV**
 - 6.3. Giấy chuyển quyền đòi Người thứ ba của chủ xe
7. Biên bản giám định thiệt hại.
8. Các chứng từ xác định thiệt hại do tai nạn:
 - Đối với thiệt hại về hàng hoá (chương III) phải có thêm các chứng từ xác định nguồn gốc, giá trị hàng như: Hợp đồng vận chuyển, bộ chứng từ về hàng hóa được vận chuyển (hợp đơn vận chuyển, hóa đơn, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận hàng hóa ghi rõ khối lượng số lượng hàng hóa, biên bản xác định tổn thất, chứng từ bồi thường của chủ xe đối với chủ hàng).
 - Đối với thiệt hại về người (chương IV) phải có thêm các chứng từ y tế xác định tình trạng thương tật của nạn nhân như: Giấy ra viện, Bệnh án hay phiếu điều trị, Giấy chứng nhận tỷ lệ thương tật do cấp có thẩm quyền xác nhận. Giấy chứng tử, chứng từ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp (trường hợp Người được bảo hiểm chết).

Điều 9: Những điểm loại trừ chung

Thiệt hại xảy ra trong những trường hợp sau không thuộc phạm vi trách nhiệm của **BHV**:

1. Hành động cố ý gây tai nạn, gây thiệt hại của Chủ xe, lái xe hay những người được giao sử dụng và bảo quản xe.
2. Đưa xe cơ giới không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật vào hoạt động trên đường bộ theo quy định của pháp luật hoặc không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và môi trường phương tiện cơ giới đường bộ hợp lệ
3. Lái xe không có giấy phép lái xe/ Giấy phép điều khiển xe hoặc Giấy phép lái xe/ Giấy phép điều khiển xe không hợp lệ. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe/ Giấy phép điều khiển xe có thời hạn hoặc không có thời hạn thì được xem là không có Giấy phép lái xe/ Giấy phép điều khiển xe
4. Lái xe đang điều khiển xe trên đường mà có nồng độ cồn, rượu, bia trong máu hoặc hơi thở vượt quá quy định của pháp luật hiện hành hoặc có các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.
5. Vận chuyển hàng trái phép, vận chuyển chất cháy nổ trái phép (không có Giấy phép vận chuyển hoặc vận chuyển trái với quy định trong Giấy phép vận chuyển); hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định của pháp luật.
6. Xe sử dụng để tập lái, đua (hợp pháp hoặc trái phép); Chạy thử sau khi sửa chữa.
7. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, chuyển hướng xe (rẽ, quay đầu) tại nơi bị cấm, xe đi đêm không có đủ đèn chiếu sáng theo quy định.
8. Xe chở vượt quá 20% trọng tải theo quy định.
9. Xe chở quá số người theo quy định
10. Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (trừ khi có thỏa thuận khác).
11. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại; những thiệt hại mang yếu tố tinh thần; thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra.
11. Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.
12. Chiến tranh và các nguyên nhân tương tự chiến tranh như nội chiến, đình công, bạo động dân sự; khủng bố.

Các điểm loại trừ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 không áp dụng đối với chương IV – BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE (trừ tai nạn đối với lái xe).

Điều 10: Bảo hiểm trùng (không áp dụng đối với Chương IV – BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE)

Trường hợp được bảo hiểm trùng theo nhiều đơn (hoặc Giấy chứng nhận) bảo hiểm khác nhau thì trách nhiệm của mỗi đơn (hoặc Giấy chứng nhận) bảo hiểm chỉ giới hạn theo tỷ lệ giữa số tiền (hoặc trách nhiệm) bảo hiểm ghi trên đơn (hoặc Giấy chứng nhận) bảo hiểm đó so với tổng của những số tiền (hoặc mức trách nhiệm) bảo hiểm ghi trên tất cả các đơn (hoặc giấy chứng nhận) bảo hiểm.

Điều 11: Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
2. **BHV** có trách nhiệm xem xét và giải quyết bồi thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ về yêu cầu trả tiền bồi thường và không kéo dài quá ba mươi (30) ngày trường hợp phải xác minh hồ sơ. Trường hợp từ chối bảo hiểm, **BHV** phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối bồi thường
3. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của **BHV** là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Chủ xe nhận được thông báo bồi thường của **BHV**. Quá thời hạn nêu trên **BHV** sẽ không giải quyết khiếu nại.
4. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là ba (3) năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu **BHV** và Chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế có thẩm quyền của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 12: Điều khoản thỏa thuận bổ sung

Tất cả những yêu cầu bảo hiểm khác của Chủ xe ngoài những quy định trong Quy tắc bảo hiểm chính từ Chương I đến Chương IV, có thể được chấp nhận bảo hiểm theo Các điều khoản bổ sung của **BHV** ban hành trên cơ sở thỏa thuận lựa chọn bổ sung bằng văn bản giữa Chủ xe và **BHV**.

CHƯƠNG II. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TỰ NGUYỆN CỦA CHỦ XE Ô TÔ

BHV nhận bảo hiểm thêm phần mức trách nhiệm cao hơn mức trách nhiệm bắt buộc theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 13: Phạm vi bảo hiểm

Trong mức trách nhiệm đã ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, **BHV** sẽ bồi thường cho Chủ xe trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng theo Bộ luật dân sự Việt Nam từ việc sử dụng chiếc xe gây thiệt hại cho Bên thứ ba:

1. Tử vong hoặc thương tật thân thể của Bên thứ ba;
2. Thiệt hại tài sản của Bên thứ ba.

Điều 14: Bồi thường bảo hiểm

Khi xảy ra thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm, **BHV** sẽ bồi thường theo nguyên tắc sau:

1. Thiệt hại về người

Mức bồi thường cụ thể cho từng loại thương tật, thiệt hại về người được xác định theo Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật (*Ban hành kèm theo quyết định số 05/TC-BH ngày 2/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*) và căn cứ theo Chứng từ y tế của người bị thiệt hại cùng với căn cứ theo mức độ lỗi của lái xe và/hoặc chủ xe cơ giới gây ra nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm.

2. Thiệt hại về tài sản

Mức bồi thường cụ thể đối với thiệt hại về tài sản/1 vụ tai nạn được xác định theo thiệt hại thực tế và theo mức độ lỗi của lái xe và/hoặc chủ xe cơ giới nhưng không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm

Điều 15: Loại trừ bảo hiểm

BHV không bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, lái xe hoặc của người bị thiệt hại.
2. Lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe, lái xe cơ giới.

3. Lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe”
4. Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.
5. Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.
6. Chiến tranh, khủng bố, động đất.
7. Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.

CHƯƠNG III. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE Ô TÔ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN TRÊN XE

Điều 16: Phạm vi bảo hiểm

Trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, **BHV** sẽ bồi thường cho Chủ xe số tiền mà Chủ xe có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường cho Chủ hàng theo quy định của Luật Dân sự và các quy định khác đối với những thiệt hại về hàng hóa vận chuyển trên xe xảy ra do:

1. Những tai nạn bất ngờ, bất khả kháng trong những trường hợp : Đâm va, lật đổ; hỏa hoạn, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi hoặc va chạm vào;
2. Những tai nạn bất khả kháng do thiên tai: Bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần;
3. Ngoài ra, **BHV** còn thanh toán cho Chủ xe các chi phí cần thiết và hợp lý nhằm:
 - Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá.
 - Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hoá trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn.

Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường của **BHV** (bao gồm cả các chi phí trên) không vượt quá mức trách nhiệm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 17: Không thuộc phạm vi bảo hiểm

Ngoài những điểm loại trừ tại Điều 9 của quy tắc này, **BHV** không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về hàng hóa trong những trường hợp sau:

1. Lái xe, Chủ xe, Chủ hàng thiếu trách nhiệm trong việc trông coi, bảo quản hàng hóa.
2. Xe ô tô không thích hợp với loại hàng chuyên chở.
3. Hàng hóa bị mất, trộm cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.
4. Hàng hóa bị cháy không do lỗi của bên vận tải.
5. Hàng hóa lưu thông trái phép, hàng hóa bị cơ quan chức năng Nhà nước thu giữ, bắt giữ.
6. Hàng hoá hư hỏng tự nhiên, hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói, chất xếp hàng không đúng theo yêu cầu kỹ thuật.
7. Hư hỏng do bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe đâm va, lật đổ.
8. Giao hàng chậm trễ, giao hàng không đúng người nhận; giao thiếu, sai thể loại, sai quy cách, sai mã ký hiệu.

Điều 18: Hàng hóa đặc biệt

Các loại hàng hóa sau đây chỉ được bảo hiểm với điều kiện Chủ xe có hợp đồng thỏa thuận riêng với **BHV**:

- Vàng, bạc, đá quý (dạng nguyên thủy hoặc đã tinh chế).
- Đồ cổ, tranh nghệ thuật quý hiếm.
- Tiền, các loại ấn chỉ, hoá đơn có giá trị như tiền.
- Thi hài, hài cốt.
- Súc vật.

Điều 19: Chế tài bồi thường.

1. Áp dụng chế tài từ 10% đến 20% số tiền bồi thường:

- 1.1. Chủ xe, lái xe không khai báo kịp thời tai nạn trong vòng 05 ngày (trừ trường hợp có lý do chính đáng) và/hoặc không làm đầy đủ các biện pháp cứu chữa hạn chế tai nạn như đã nêu tại Điều 6.
- 1.2. Chủ xe tự động thương lượng bồi thường khi chưa có ý kiến chấp thuận của **BHV**.
- 1.3. Xe chở vượt trọng tải từ 5% đến 20% theo quy định của pháp luật.
2. Áp dụng chế tài từ 50% đến toàn bộ số tiền bồi thường trong trường hợp Chủ xe không tạo điều kiện và thực hiện chuyển quyền yêu cầu người thứ ba hoàn trả khoản tiền mà **BHV** đã bồi thường cho chủ xe.
3. **BHV** áp dụng mức miễn bồi thường có khấu trừ 0,5% tổng trách nhiệm bảo hiểm Chủ xe đã tham gia nhưng không thấp hơn 500.000đồng/vụ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản)

CHƯƠNG IV. BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI, PHỤ XE VÀ TAI NẠN NGƯỜI NGỒI TRÊN XE

Điều 20: Đối tượng bảo hiểm

Lái xe, phụ xe và những người khác được chở trên xe cơ giới (gọi chung là Người được bảo hiểm).

Điều 21: Phạm vi bảo hiểm

Thiệt hại thân thể đối với Người được bảo hiểm do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

Điều 22: Không thuộc phạm vi bảo hiểm

Ngoài những điểm loại trừ tại Điều 9 của quy tắc này, **BHV** không phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại về thân thể của Người được bảo hiểm trong trường hợp sau:

1. Người được bảo hiểm có hành động cố ý tự gây tai nạn.
2. Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau trừ khi được xác nhận đó là hành động tự vệ.
3. Người được bảo hiểm điều khiển xe không có giấy phép lái xe hợp lệ, có sử dụng và ảnh hưởng của rượu, bia vượt nồng độ theo quy định của pháp luật, sử dụng ma túy và các chất kích thích tương tự khác mà pháp luật cấm sử dụng.
4. Người được bảo hiểm bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật.
5. Người được bảo hiểm bị ngộ độc thức ăn, đồ uống và sử dụng thuốc không theo theo chỉ dẫn của cơ quan y tế.
6. Tai nạn ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.
7. Xe sử dụng để đua thể thao, đua xe trái phép.

Điều 23: Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm

Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm được quy định tại biểu phí và số tiền bảo hiểm ban hành kèm theo quy tắc này.

Điều 24: Quyền lợi của người được bảo hiểm

A. Đối với Số tiền bảo hiểm bằng hoặc dưới 20 triệu đồng /người/vụ:

1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị chết do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: **BHV** trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm
2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật thân thể vĩnh viễn hoặc tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: **BHV** trả tiền bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm nêu trong “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật” kèm theo Quyết định số 05/TCBH ngày 02 tháng 01 năm 1993 của Bộ Tài chính.

B. Đối với Số tiền bảo hiểm trên 20 triệu đồng /người/vụ:

1. Trường hợp Người được bảo hiểm bị chết do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: **BHV** trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm
2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: **BHV** trả tiền bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm của Số tiền bảo hiểm nêu trong “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật” kèm theo Quyết định số 05/TCBH ngày 02 tháng 01 năm 1993 của Bộ Tài chính.
3. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, tiền bảo hiểm được trả theo chi phí y tế thực tế, hợp lý và chi phí bồi dưỡng người bị thương trong thời gian điều trị thương tật (bằng 0,1% số tiền bảo hiểm/ ngày nhưng tối đa không quá 180 ngày/ vụ tai nạn). Tổng số tiền bảo hiểm chi trả trong trường hợp này không vượt quá mức trả theo tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định

cho trường hợp thương tật đó tại “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật “kèm theo Quyết định số 05/TCBH ngày 02 tháng 01 năm 1993 của Bộ Tài chính. Cụ thể các tính như sau:

- a. Số tiền bảo hiểm chi trả tối đa = Tỷ lệ phần trăm của thương tật tạm thời quy định trong “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật “kèm theo Quyết định số 05/TCBH ngày 02 tháng 01 năm 1993 của Bộ Tài chính” x Số tiền bảo hiểm.
- b. Số ngày điều trị là: Số ngày điều trị nội trú trong bệnh viện theo chỉ định của Bác sĩ điều trị. Số ngày điều trị tối đa không vượt quá 180 ngày/vụ tai nạn
- c. Trường hợp đa vết thương ở cùng một bộ phận, tổng số tiền chi trả cho các vết thương không được vượt quá tỷ lệ mất bộ phận đó tại “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật “kèm theo Quyết định số 05/TCBH ngày 02 tháng 01 năm 1993 của Bộ Tài chính

C. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế đi trên xe lớn hơn số Người được bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm thì mức trả tiền bảo hiểm của BHV được tính như sau:

1. Trường hợp không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi: Mức trả tiền bảo hiểm của **BHV** sẽ giảm theo tỷ lệ giữa số người thực tế trên xe và số Người được bảo hiểm.
2. Trường hợp có trẻ em dưới 7 tuổi : Trẻ em dưới 7 tuổi được thanh toán 50% số tiền bảo hiểm theo nguyên tắc trả tiền bảo hiểm được quy định tại khoản A và khoản B trên đây.

Điều 25: Giải quyết hậu quả của tai nạn

1. Trường hợp bị tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, trong vòng một năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm bị chết do hậu quả của tai nạn đó: **BHV** sẽ trả phần chênh lệch giữa Số tiền bảo hiểm ghi trong Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm với số tiền bảo hiểm đã trả trước đó.
2. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật có sẵn của Người được bảo hiểm hoặc điều trị thương tật thân thể không kịp thời và không theo chỉ dẫn của cơ sở y tế thì **BHV** chỉ trả tiền bảo hiểm như đối với loại thương tật tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

Điều 26: Trả tiền bảo hiểm

Tiền bảo hiểm được trả cho Người được bảo hiểm hoặc người đại diện hợp pháp của Người được bảo hiểm.